TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH KON TUM** Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đăk Glei, ngày 13 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 tháng năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 118 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Bích T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Quang T là người được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Vi H; sinh ngày 16/8/2014; chị Nguyễn Thị Bích T không phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung. Chị Nguyễn

Thị Bích T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Trong thời kỳ hôn nhân các đương sự không có tài sản riêng; các đương sự không có các khoản cho nợ chung; các đương sự không có các khoản nợ chung; các đương sự không có tài sản chung. Nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

- Về án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn);* Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/4/2017: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Bích T cùng phải chịu 50% số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh Nguyễn Quang T được chuyển số tiền 300.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004566, ngày 20 tháng 12 năm 2017 thành tiền án phí; Anh T còn được nhận lại số tiền 225.000 đồng, nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk Choong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân